

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 01 - 2021
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phú;
2. Ông Phan Phước Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 322/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 606/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 660/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ X, ấp V, xã VL, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ X, ấp V, xã VL, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tất cả các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Lê Thị C; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Lê Thị C và ông Lê Thanh T là do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 144 ngày 19/7/2013.

Theo bà C, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng không sửa đổi. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà C xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà C và ông T có 01 (một) con chung tên Lê

Hữu K, sinh ngày 09/5/2012 hiện sống cùng bà C. Bà C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dạy cháu K sau ly hôn và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không có mặt theo triệu tập của Tòa nên không ghi nhận được ý kiến của ông T; ông T cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến. Bà C có yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Về tài liệu, chứng cứ:

Bà Lê Thị C giao nộp: Bản sao sổ hộ khẩu tên chủ hộ Trần Thị C1; Bản sao Trích lục kết hôn số 1112/TLKH-BS ngày 30/9/2020 của Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu; bản sao Giấy khai sinh mang tên Lê Hữu K; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị C.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Lê Thanh T, tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà C; ghi nhận ý kiến của cháu Lê Hữu K.

Theo cung cấp của Công an xã Vĩnh Lộc; Ban ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Lộc tại các biên bản xác minh cùng ngày 04/12/2020 được biết, ông Lê Thanh T, sinh năm 1990 hiện vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Theo cung cấp của cụ Trần Thị C1 (bà nội của T, sống chung trong hộ) tại Biên bản xác minh ngày 27/11/2020 thì cụ Trần Thị C1 có nhận các văn bản của Tòa án và có Thông tin lại cho ông T biết. Cụ C1 xác định giữa C và T có cự cãi, gia đình hai bên có hòa giải nhưng không thành. Theo cụ C1 thì T cũng đồng ý ly hôn và đồng ý giao con chung cho C nuôi dạy.

Theo Biên bản ghi nhận ý kiến cháu Lê Hữu K có nguyện vọng sống cùng bà C sau khi bà C và ông T ly hôn.

Hội đồng xét xử công bố lời khai công bố lời trình bày của bà C; các biên bản xác minh, biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Lê Hữu K.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là phù hợp quy định Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của bà C và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà C và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C. Về con chung giải quyết theo nguyện vọng của cháu K. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Hôn nhân giữa bà Lê Thị C với ông Lê Thanh T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện An Phú, cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 144 ngày 19/7/2013. Ông Lê Thanh T đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện sinh sống tại ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà C và ông T đều vắng mặt không. Nguyên đơn bà C yêu cầu không tiến hành hòa giải và có đơn yêu cầu không tham gia phiên tòa; ông T vắng mặt lần thứ hai. Do đó Tòa án căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải và căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà C và ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà C xác định nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm là do bất đồng quan điểm sống, do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, bỏ mặc không chăm lo cho gia đình. Gia đình hai bên có khuyên ngăn nhưng ông T không sửa đổi nên cả hai không còn sống chung trên một năm nay. Theo kết quả xác minh xác định được, trình bày của bà C là có căn cứ. Theo xác minh thì ông T và bà C có thường cãi vã, ông T không thường ở nhà, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Khi được cụ C1 (bà nội của T) thông tin cho biết việc bà C xin ly hôn thì ông T cũng không quan tâm. Điều này cho thấy ông T không có thiện chí hàn gắn. Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa bà C và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà C và ông T có 01 (một) con chung tên Lê Hữu K, sinh ngày 09/5/2012 hiện sống cùng bà C. Bà C có yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy cháu K sau ly hôn, cháu K cũng có nguyện vọng sống cùng bà C. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu K cho bà C trực tiếp nuôi dạy. Công nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, nếu ông T có căn cứ xác định có tài sản chung thì có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về chi phí tố tụng:

Về án phí, bà C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm; ông T không phải chịu án phí.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 18; điểm a khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị C,

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị C được ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Bà Lê Thị C được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Lê Hữu K, sinh

ngày 09/5/2012. Ông Lê Thanh T không phải cấp dưỡng.

Ông Lê Thanh T và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của bà Lê Thị C. Ngược lại, bà Lê Thị C cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về chi phí tố tụng*: Bà Lê Thị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0004765 ngày 05/10/2020. (Bà C đã nộp đủ).

Ông Lê Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu chi phí tố tụng khác.

4. *Về quyền kháng cáo*: Án tuyên công khai vắng mặt bà Lê Thị C và ông Lê Thanh T. Thời hạn kháng cáo của bà C và ông T là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Giấy chứng nhận kết hôn số 144 do Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 19/7/2013 cho ông bà Lê Thị C và ông Lê Thanh T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (2);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Phú Hữu (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Sáu